DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC VÀO LÀM GIÁO VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TỈNH HƯNG YÊN NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo Quyết định số 1218 /QĐ-CTUBND ngày 01 / 10 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Vị trí việc làm: Giáo viên trung học cơ sở hạng III

Số lượng: 829 người

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	CS001	Nguyễn Huy An	01/03/2001	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
2	CS002	Vũ Hoà An	02/07/2003	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ
3	CS003	Bùi Thị Phương Anh	16/3/1995	SP	**68,3**	63,3	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-CS-Văn	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-CS-Văn	Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-Văn
4	CS004	Cao Thị Phương Anh	11/12/2002	SP	**40**	40			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn
5	CS005	Đàm Phương Anh	25/02/1995	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
6	CS006	Đào Thị Hồng Anh	22/3/1999	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	
7	CS007	Đỗ Thị Vân Anh	01/3/1997	SP	**75,8**	75,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
8	CS008	Đỗ Việt Anh	12/11/2003	SP	**89,2**	89,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hoà Phong-CS-Toán	Trường THCS Hoà Phong-CS-Toán	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Toán
9	CS009	Hà Thị Vân Anh	06/03/2002	SP	**43,3**	43,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
10	CS010	Hoàng Thị Vân Anh	23/9/2001	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Lý
11	CS011	Lưu Kỳ Anh	08/4/1998	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Ngoại ngữ
12	CS012	Mai Thị Ngọc Anh	17/10/2002	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa	Trường THCS An Tảo-CS-Địa
13	CS013	Nguyễn Hà Lan Anh	21/9/1999	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
14	CS014	Nguyễn Hải Anh	18/8/2003	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Nghĩa-CS-GDCD	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-GDCD	Trường TH và THCS Bảo Khê-CS-GDCD
15	CS015	Nguyễn Minh Anh	07/5/2001	SP	**65**	65			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
16	CS016	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	10/05/1992	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Hoá
17	CS017	Nguyễn Thị Anh	21/08/1989	SP	**95**	95			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Toán
18	CS018	Nguyễn Thị Kim Anh	04/11/1994	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
19	CS019	Nguyễn Thị Lan Anh	09/3/2002	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá
20	CS020	Nguyễn Thị Lan Anh	03/01/1998	SP	**80**	80			Đại học/ Thạc sĩ	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá
21	CS021	Nguyễn Vân Anh	19/11/2003	SP	**95**	95			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sử	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
22	CS022	Nguyễn Vũ Vân Anh	24/10/2002	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
23	CS023	Phạm Thị Phương Anh	07/6/1994	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
24	CS024	Phan Hà Anh	20/10/2001	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán
25	CS025	Thẩm Diệp Anh	02/8/2003	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
26	CS026	Tống Vân Anh	08/12/1988	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	
27	CS027	Trần Nguyễn Quỳnh Anh	30/4/2002	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Mỹ thuật	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Mỹ thuật
28	CS028	Trần Thế Anh	30/07/2001	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Toán	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Toán
29	CS029	Trần Thị Anh	18/02/1999	Khác	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ
30	CS030	Trần Thị Vân Anh	24/9/1992	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá
31	CS031	Vũ Thị Kim Anh	15/06/1986	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liêu Xá-CS-Toán	Trường THCS Liêu Xá-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
32	CS032	Vũ Thị Lâm Anh	25/11/2003	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Toán
33	CS033	Vũ Thị Lan Anh	26/10/1988	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
34	CS034	Vũ Thùy Anh	25/9/1993	SP	**80**	80			Thạc sĩ/ Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
35	CS035	Đỗ Thị Ngọc Ánh	29/11/1996	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Lý
36	CS036	Lê Thị Ngọc Ánh	03/01/2001	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
37	CS037	Nguyễn Ngọc Ánh	10/11/2001	SP	**62,5**	62,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Lý	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Lý	Trường THCS Dị Sử-CS-Lý
38	CS038	Nguyễn Ngọc Ánh	26/9/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ
39	CS039	Nguyễn Thị Ánh	03/01/1995	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
40	CS040	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	12/11/2002	SP	**75**	75			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
41	CS041	Nguyễn Vũ Ngọc Ánh	28/9/2002	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ
42	CS042	Trịnh Ngọc Ánh	01/7/1998	Khác	**73,3**	73,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý
43	CS043	Trịnh Thị Ngọc Ánh	06/11/1997	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán
44	CS044	Hoàng Thị Bích	09/6/1991	Khác	**55**	55			Cử nhân	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn
45	CS045	Nguyễn Ngọc Bích	21/02/2001	SP	**65**	65			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
46	CS046	Phạm Ngọc Bích	20/01/2003	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
47	CS047	Nguyễn Thị Biên	01/12/1996	SP	**41,7**	41,7			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh
48	CS048	Nguyễn Khắc Bình	04/6/1989	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh	Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh
49	CS049	Bùi Thanh Bình	14/7/1988	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn
50	CS050	Vũ Thanh Bình	16/8/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
51	CS051	Vũ Thanh Bình	27/02/2001	Khác	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử	
52	CS052	Vũ Thúy Bình	28/10/2003	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Công nghệ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Công nghệ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Công nghệ
53	CS053	Lê Thị Bưởi	07/7/1989	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
54	CS054	Hán Ngọc Cầm	23/11/1996	SP	**95**	95			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
55	CS055	Đào Văn Cảnh	07/7/1992	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Khai-CS-GDTC	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-GDTC	
56	CS056	Trần Thị Chắc	20/4/1988	SP	**44,2**	44,2			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Công nghệ	
57	CS057	Đinh Thị Châm	07/06/1996	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá
58	CS058	Nguyễn Thị Chang	05/07/1987	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Mỹ thuật	Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Mỹ thuật
59	CS059	Bùi Quỳnh Chi	03/9/2001	SP	**65**	65			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Đức-CS-Văn	Trường TH và THCS Minh Đức-CS-Văn	Trường TH và THCS Bạch Sam-CS-Văn
60	CS060	Đào Phương Chi	24/7/1999	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	
61	CS061	Hoàng Nguyễn Phương Chi	06/12/2003	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
62	CS062	Nguyễn Phương Chi	09/8/1997	SP	**61,7**	61,7			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
63	CS063	Phạm Linh Chi	22/08/1996	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	
64	CS064	Phạm Mai Chi	14/12/2003	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đức Hợp-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-CS-Ngoại ngữ
65	CS065	Vũ Mai Chi	18/10/2003	SP	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ
66	CS066	Vũ Thị Chín	25/3/1986	Khác	**80**	75	5	Con bệnh binh 2/3 (61%)	Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
67	CS067	Bùi Thị Chinh	04/7/1995	SP	**75**	75			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
68	CS068	Nguyễn Thị Huyền Chinh	17/01/2003	SP	**44,2**	44,2			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ	
69	CS069	Trương Thị Tuyết Chinh	27/3/2002	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Địa	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Địa	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Địa
70	CS070	Vũ Thị Kiều Chinh	16/3/1997	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn
71	CS071	Nguyễn Thị Chúc	8/8/1993	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
72	CS072	Trần Thị Minh Chúc	16/9/2003	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán
73	CS073	Nguyễn Thị Chuyên	25/02/1986	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn
74	CS074	Lê Chí Công	22/12/2001	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn
75	CS075	Nguyễn Thị Ánh Cúc	27/12/1995	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nghĩa Dân-CS-Văn	Trường THCS Nghĩa Dân-CS-Văn	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Văn
76	CS076	Trần Thị Thu Cúc	14/02/2002	SP	**83,3**	83,3			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý
77	CS077	Lương Mạnh Cường	14/02/1988	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Hoá
78	CS078	Nguyễn Mạnh Cường	25/10/1990	SP	**72,5**	72,5			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	
79	CS079	Nguyễn Mạnh Cường	28/01/1998	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
80	CS080	Nguyễn Thị Thanh Đàm	20/10/1985	SP	**62,5**	57,5	5	Con bệnh binh (bố là bệnh binh 61%)	Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Mỹ thuật	
81	CS081	Nguyễn Thị Đào	21/12/1982	Khác	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn
82	CS082	Đinh Văn Đạt	20/8/1992	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá
83	CS083	Phạm Tiến Đạt	28/06/2000	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Lý
84	CS084	Vũ Thị Đềm	20/6/1988	Khác	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Văn
85	CS085	Phạm Bùi Hương Diễm	26/11/2003	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Địa	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Địa	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Địa
86	CS086	Lê Thu Diễn	08/11/1994	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh	Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh
87	CS087	Nguyễn Thị Dinh	18/5/1998	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
88	CS088	Phạm Thị Dinh	03/01/1987	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Công nghệ
89	CS089	Đào Thị Dịu	27/12/1997	Khác	**56,7**	56,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ
90	CS090	Lê Thị Dịu	26/11/1997	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Dân-CS-Sử	Trường THCS Tân Dân-CS-Sử	
91	CS091	Vũ Thị Đổi	10/6/1986	SP	**90**	90			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
92	CS092	Lê Thị Phương Đông	29/3/1995	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
93	CS093	Nguyễn Văn Du	02/08/1994	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
94	CS094	Nguyễn Hữu Đức	04/09/1985	Khác	**72,5**	72,5			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Tin	Trường THCS Trung Hoà-CS-Tin	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Tin
95	CS095	Nguyễn Thị Đức	18/8/1989	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
96	CS096	Chu Thị Thùy Dung	27/01/2003	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
97	CS097	Đàm Thị Thu Dung	09/11/1991	SP	**95,8**	95,8			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
98	CS098	Đặng Thùy Dung	21/4/1990	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
99	CS099	Đào Thị Kim Dung	21/12/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Hoà Phong-CS-Lý	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Lý
100	CS100	Đỗ Thị Thùy Dung	11/10/2002	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Vĩ-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán
101	CS101	Lại Thị Thùy Dung	07/3/1999	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
102	CS102	Ngô Thị Kim Dung	12/02/1990	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-GDCD	Trường THCS Yên Phú-CS-GDCD	
103	CS103	Nguyễn Thị Dung	12/02/2001	SP	**34,2**	34,2			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
104	CS104	Nguyễn Thùy Dung	20/12/2001	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-Ngoại ngữ
105	CS105	Trần Thị Dung	16/7/1997	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Chi Tân-CS-Toán
106	CS106	Vũ Thị Dung	11/11/1990	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Mai Động-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
107	CS107	Nguyễn Văn Dũng	05/10/1988	Khác	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
108	CS108	Nguyễn Việt Dũng	31/3/1991	SP	**75**	75			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Dân-CS-Toán	Trường THCS Tân Dân-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
109	CS109	Bùi Thị Thùy Dương	25/10/1996	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
110	CS110	Chu Thị Thùy Dương	28/6/1991	SP	**79,2**	79,2			Đại học/ Thạc sĩ	khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bắn Yên Nhân-CS-Văn	Trường TH và THCS Bắn Yên Nhân-CS-Văn	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Văn
111	CS111	Lê Thị Thùy Dương	30/7/1991	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá
112	CS112	Lương Thị Ánh Dương	29/4/2003	SP	**94,2**	94,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Liên Phương-CS-Lý	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Lý
113	CS113	Nguyễn Ánh Dương	08/02/2003	SP	**60**	60			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Sử	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Sử	Trường THCS An Tảo-CS-Sử
114	CS114	Nguyễn Thị Thùy Dương	21/10/1999	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	
115	CS115	Phạm Thanh Dương	30/08/1989	SP	**68,3**	68,3			Đại học			Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán
116	CS116	Trần Thị Thùy Dương	10/06/1995	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
117	CS117	Trương Ánh Dương	11/10/2003	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn
118	CS118	Bùi Ngọc Duyên	26/8/2002	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
119	CS119	Nguyễn Thị Duyên	03/04/1991	Khác	**80**	80			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Chi Tân-CS-Toán
120	CS120	Nguyễn Thị Duyên	20/9/1992	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
121	CS121	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	30/11/2003	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
122	CS122	Phạm Thị Duyên	01/7/1993	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sử	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử
123	CS123	Trần Thị Hồng Duyên	23/4/1987	Khác		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	
124	CS124	Trương Thị Mỹ Duyên	29/12/1994	SP	**65**	65			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Lý
125	CS125	Chu Thị Gái	09/06/1991	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Ngoại ngữ
126	CS126	Chu Hương Giang	12/4/2001	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
127	CS127	Lều Thị Vân Giang	16/10/1993	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liên Phương-CS-Công nghệ	Trường THCS Liên Phương-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Công nghệ
128	CS128	Lương Thị Hương Giang	24/4/2003	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
129	CS129	Nguyễn Hương Giang	08/12/2003	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
130	CS130	Nguyễn Ngọc Hương Giang	26/02/2003	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Ngoại ngữ
131	CS131	Nguyễn Thị Giang	16/3/1993	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-GDCD	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-GDCD	Trường THCS Đại Đồng-CS-GDCD
132	CS132	Phan Hương Giang	27/4/2003	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán	Trường THCS Hoà Phong-CS-Toán
133	CS133	Trần Thị Kiều Giang	19/6/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
134	CS134	Đinh Thái Hà	13/02/2003	SP	**71,7**	66,7	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Địa	Trường THCS Trung Hoà-CS-Địa	
135	CS135	Đoàn Ngân Hà	23/7/2001	Khác	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Văn
136	CS136	Dương Thúy Ngân Hà	13/10/1994	SP	**54,2**	54,2			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
137	CS137	Hoàng Thị Hà	21/06/1989	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Công nghệ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Công nghệ
138	CS138	Lê Thị Quỳnh Hà	22/12/1988	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh	Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh
139	CS139	Ngô Thị Hà	22/6/2002	SP	**86,7**	81,7	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Toán
140	CS140	Nguyễn Hoàng Hà	14/12/2002	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
141	CS141	Nguyễn Nhị Hà	20/9/1992	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
142	CS142	Nguyễn Thị Hà	08/01/1999	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Hoá
143	CS143	Nguyễn Thị Hà	06/01/1994	Khác	**44,2**	44,2			Đại học	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Mỹ thuật
144	CS144	Nguyễn Thị Ngọc Hà	20/4/1990	SP	**80**	75	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Hồng-CS-Địa	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Địa	Trường THCS Việt Hưng-CS-Địa
145	CS145	Nguyễn Thị Thu Hà	17/8/1980	Khác	**71,7**	71,7			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
146	CS146	Nguyễn Thị Thu Hà	21/9/1996	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
147	CS147	Nguyễn Thị Thu Hà	25/4/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
148	CS148	Nguyễn Thị Thu Hà	15/3/2001	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
149	CS149	Nguyễn Thị Thu Hà	11/10/1993	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
150	CS150	Nguyễn Thị Thúy Hà	28/9/1990	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá
151	CS151	Phạm Mỹ Hà	13/3/2000	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán
152	CS152	Phạm Thị Hà	20/4/1989	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Dân-CS-Sử	
153	CS153	Phạm Thị Hà	18/3/1995	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
154	CS154	Phạm Thị Hà	10/02/1999	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	
155	CS155	Phạm Thị Thu Hà	14/7/1994	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
156	CS156	Phạm Thị Thu Hà	18/11/1991	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
157	CS157	Phạm Thị Thu Hà	19/01/1997	Khác	**64,2**	64,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Ngoại ngữ
158	CS158	Tống Thị Hà	06/7/1990	SP	**75**	75			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Toán
159	CS159	Trần Ngọc Hà	08/9/2001	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Ngoại ngữ
160	CS160	Trần Ngọc Hà	27/11/2003	Khác	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Ngoại ngữ	
161	CS161	Trần Thị Hà	27/01/1984	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Sinh	Trường THCS Trung Hoà-CS-Sinh	Trường THCS Liêu Xá-CS-Sinh
162	CS162	Trần Thị Thu Hà	04/6/1993	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
163	CS163	Trần Thu Hà	25/01/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
164	CS164	Trịnh Mai Hà	29/07/2003	SP	**43,3**	43,3			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
165	CS165	Vũ Ngân Hà	02/08/1997	Khác	**80**	80			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
166	CS166	Vũ Thị Hà	29/7/2002	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
167	CS167	Nguyễn Thị Hạ	12/6/1989	SP	**50**	50			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đình Cao-CS-Âm nhạc	Trường THCS Đình Cao-CS-Âm nhạc	
168	CS168	Trần Thị Hải	14/12/1997	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
169	CS169	Luyện Thị Ngọc Hân	29/11/2002	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Toán	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Toán	
170	CS170	Bồ Thị Hằng	13/12/1996	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Văn	Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Văn	Trường TH và THCS Minh Đức-CS-Văn
171	CS171	Chu Thị Hằng	25/08/1994	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường TH và THCS Trưng Trắc-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
172	CS172	Đinh Thị Hằng	25/11/1989	SP	**75**	75			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Văn
173	CS173	Lê Thúy Hằng	13/10/2002	SP	**44,2**	44,2			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
174	CS174	Ngô Thu Hằng	23/12/2002	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
175	CS175	Nguyễn Hà Minh Hằng	22/6/2002	SP	**75**	75			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
176	CS176	Nguyễn Thị Lệ Hằng	03/4/1996	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	
177	CS177	Nguyễn Thị Thu Hằng	12/11/1994	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn
178	CS178	Nguyễn Thị Thu Hằng	15/06/1995	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
179	CS179	Nguyễn Thị Thu Hằng	27/4/1988	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
180	CS180	Phạm Thị Hằng	26/11/1993	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
181	CS181	Phạm Thị Minh Hằng	04/9/2001	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Hoá	Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Hoá	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Hoá
182	CS182	Trịnh Thị Thu Hằng	31/01/1995	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	
183	CS183	Bùi Thị Hạnh	24/7/1989	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
184	CS184	Đỗ Hồng Hạnh	20/05/1988	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân/ Thạc sĩ	TB Khá/ Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Toán
185	CS185	Hà Thị Hạnh	05/06/1993	SP	**70**	65	5	Dân tộc thiểu số (Thái)	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
186	CS186	Nguyễn Thị Hạnh	21/5/2001	SP	**70**	70			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Toán	
187	CS187	Phạm Thị Hạnh	17/12/1995	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
188	CS188	Vũ Đinh Vinh Hạnh	08/3/1993	SP	**75**	75			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
189	CS189	Lê Thị Hảo	10/5/1988	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Dạ Trạch-CS-Toán	Trường THCS Dạ Trạch-CS-Toán	
190	CS190	Nguyễn Thị Hảo	08/12/1998	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý
191	CS191	Vi Thị Hảo	11/04/1989	SP		Vắng	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
192	CS192	Hoàng Thị Hiên	03/06/1999	SP	**58,3**	53,3	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
193	CS193	Trần Thị Hiên	13/7/1986	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-GDCD	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-GDCD	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-GDCD
194	CS194	Nguyễn Văn Hiến	02/11/1989	SP	**78,3**	78,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Châu-CS-Sinh	
195	CS195	Đặng Thu Hiền	23/6/1992	Khác		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ
196	CS196	Đào Thị Thu Hiền	09/7/1994	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Toán	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
197	CS197	Đỗ Thị Hiền	14/10/1988	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Quang-CS-Sử	Trường THCS Tân Quang-CS-Sử	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Sử
198	CS198	Đỗ Thu Hiền	15/02/2002	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán
199	CS199	Đoàn Thị Hiền	03/3/1989	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Bình Kiều-CS-Toán
200	CS200	Đoàn Thị Thu Hiền	19/9/2003	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
201	CS201	Hoàng Ngô Minh Hiền	06/05/2000	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chính Nghĩa-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Chính Nghĩa-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Song Mai-CS-Ngoại ngữ
202	CS202	Lê Thị Thu Hiền	29/6/2003	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Mai Động-CS-Toán	Trường TH và THCS Mai Động-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
203	CS203	Mai Thị Hiền	06/01/2000	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
204	CS204	Nguyễn Thị Hiền	25/8/1984	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Mai Động-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Mai Động-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Đức Hợp-CS-Ngoại ngữ
205	CS205	Nguyễn Thị Minh Hiền	09/3/2001	SP	**45**	45			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
206	CS206	Nguyễn Thị Thu Hiền	06/10/1990	SP	**75,8**	70,8	5	Con bệnh binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
207	CS207	Nguyễn Thị Thu Hiền	05/08/2002	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS TT Lương Bằng-CS-Sinh	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Sinh	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Sinh
208	CS208	Phạm Thị Thúy Hiền	16/10/1987	SP	**85,8**	80,8	5	Con thương binh hạng 3/4	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
209	CS209	Trần Thị Thu Hiền	24/10/2003	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
210	CS210	Vũ Thị Hiền	08/5/1990	Khác	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
211	CS211	Phạm Thị Thanh Hiền	13/11/1988	SP	**72,5**	72,5			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Tin	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Tin	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Tin
212	CS212	Phạm Thị Hiếu	24/5/1987	Khác	**73,3**	68,3	5	Con bệnh binh	Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
213	CS213	Phạm Văn Hiếu	10/12/1999	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Toán	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Toán	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán
214	CS214	Trần Trung Hiếu	11/8/1983	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-Công nghệ	Trường THCS Quảng Châu-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Bảo Khê-CS-Công nghệ
215	CS215	Vũ Quang Hiếu	01/11/1995	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Mỹ thuật
216	CS216	Bùi Thị Như Hoa	12/09/1994	SP	**79,2**	79,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	
217	CS217	Chu Thị Hoa	06/02/1992	Khác	**50**	50			Đại học/ Thạc sĩ	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Toán	Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Toán	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán
218	CS218	Đặng Thị Hoa	22/9/1990	SP	**70**	70			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Sinh	Trường THCS Liên Phương-CS-Sinh
219	CS219	Lê Thị Thanh Hoa	02/2/1984	Khác		Vắng			Đại học	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Dị Sử-CS-Ngoại ngữ
220	CS220	Lương Thị Hoa	23/01/1994	SP	**87,5**	87,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
221	CS221	Ngô Thị Hoa	13/11/1998	Khác	**71,7**	71,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Ngoại ngữ
222	CS222	Nguyễn Yến Hoa	19/01/1994	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
223	CS223	Vũ Thị Hoa	15/07/1993	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
224	CS224	Lê Thúy Hoà	13/02/1986	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Chí Tân-CS-Toán	Trường TH và THCS Chí Tân-CS-Toán	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Toán
225	CS225	Nguyễn Thị Hoà	15/04/1994	Khác	**53,3**	53,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Sử	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Sử	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Sử
226	CS226	Đặng Thị Hoài	27/7/1989	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn
227	CS227	Hoàng Thị Hoài	05/10/2001	SP	**93,3**	88,3	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
228	CS228	Lê Thu Hoài	10/4/1989	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
229	CS229	Lưu Thị Hoài	20/01/1987	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Vũ Xá-CS-Văn	Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn
230	CS230	Nguyễn Thị Hoài	24/6/1994	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Toán	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán
231	CS231	Nguyễn Thị Hoài	03/7/2001	SP	**45**	45			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn
232	CS232	Nguyễn Thị Thu Hoài	17/3/1987	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Hoá	
233	CS233	Phạm Thị Hoài	08/12/1993	SP	**71,7**	71,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
234	CS234	Vũ Thị Hoài	16/6/1994	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
235	CS235	Vũ Thị Thu Hoài	02/11/1989	SP	**88,3**	88,3			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
236	CS236	Nguyễn Văn Học	25/5/1987	SP	**75,8**	70,8	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
237	CS237	Nguyễn Thị Hoè	09/6/1989	Khác		Vắng			Cử nhân	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn
238	CS238	Đỗ Thị Hợi	09/3/1983	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán
239	CS239	Nguyễn Thị Hồng	16/7/2000	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Âm nhạc	Trường THCS Lệ Xá-CS-Âm nhạc
240	CS240	Nguyễn Thị Hồng	03/8/1988	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
241	CS241	Nguyễn Thị Hồng	06/02/1995	SP	**63,3**	63,3			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
242	CS242	Nguyễn Thị Thu Hồng	18/6/2002	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bình Kiều-CS-Toán	Trường TH và THCS Bình Kiều-CS-Toán	Trường THCS Tân Dân-CS-Toán
243	CS243	Đoàn Thị Huế	15/10/2002	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Lý	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Lý	Trường THCS An Tảo-CS-Lý
244	CS244	Phạm Thu Huế	30/10/2002	SP	**67,5**	67,5			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
245	CS245	Vũ Thị Huế	06/3/1996	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
246	CS246	Lê Thị Huệ	12/8/1991	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	
247	CS247	Nghiêm Thị Huệ	24/02/1992	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
248	CS248	Nguyễn Thị Huệ	01/9/1994	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
249	CS249	Nguyễn Thị Huệ	11/11/1994	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn
250	CS250	Phạm Thị Huệ	04/7/1992	Khác	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá
251	CS251	Đỗ Hữu Hùng	11/7/2003	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Văn
252	CS252	Lê Thế Hùng	20/02/1998	Khác	**62,5**	60	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lê Lợi-CS-Sử	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử
253	CS253	Nguyễn Ngọc Hùng	14/4/1991	SP	**50,8**	50,8			Đại học	TB/Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hiến Nam-CS-GDTC	Trường THCS Hiến Nam-CS-GDTC	Trường TH và THCS Bảo Khê-CS-GDTC
254	CS254	Cao Thị Hưng	23/12/1989	Khác	**79,2**	79,2			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	
255	CS255	Bùi Thanh Hương	31/01/1997	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
256	CS256	Bùi Thị Hương	25/3/1994	Khác	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn	Trường TH và THCS Phạm Ngũ Lão-CS-Văn
257	CS257	Đặng Thị Diễm Hương	10/4/1999	Khác	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đông Kết-CS-Tin	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Tin
258	CS258	Đỗ Quỳnh Hương	29/01/1999	SP	**73,3**	73,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhân Hoà-CS-Hoá	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Hoá	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Hoá
259	CS259	Đỗ Thanh Hương	03/4/2002	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
260	CS260	Đỗ Thị Lan Hương	11/01/1992	Khác	**79,2**	79,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn
261	CS261	Dương Thị Hương	02/10/1998	SP	**67,5**	67,5			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	
262	CS262	Dương Thu Hương	21/06/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
263	CS263	Hà Thị Mai Hương	13/09/1995	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đồng Than-CS-Hoá	Trường THCS Đồng Than-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
264	CS264	Nguyễn Thị Hương	04/3/1988	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán
265	CS265	Nguyễn Thị Hương	04/01/1991	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá	3,14	Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá
266	CS266	Nguyễn Thị Hương	09/10/1991	Khác	**55**	55			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Văn
267	CS267	Nguyễn Thị Thiên Hương	08/08/1992	SP	**71,7**	71,7			Cử nhân	Khá	2,52	Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá	
268	CS268	Nguyễn Thị Thu Hương	12/4/1994	Khác	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Trưng Trắc-CS-Toán
269	CS269	Phạm Lan Hương	04/12/2000	SP	**92,5**	92,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
270	CS270	Phạm Thị Mai Hương	17/6/2003	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Sinh	Trường THCS Yên Phú-CS-Sinh
271	CS271	Trần Thanh Hương	21/03/1999	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Hoá	Trường THCS Đồng Than-CS-Hoá
272	CS272	Trần Thu Hương	26/11/2003	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
273	CS273	Thịnh Thị Thanh Hương	15/12/1994	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
274	CS274	Doãn Thị Hường	11/8/1997	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Toán
275	CS275	Ngô Thị Hường	02/01/1990	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
276	CS276	Nguyễn Thị Hường	23/10/1991	Khác	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán
277	CS277	Phạm Thị Minh Hường	12/5/1990	Khác	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
278	CS278	Trần Thị Hường	27/01/1997	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh	Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh
279	CS279	Vũ Thị Hường	23/12/2001	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán
280	CS280	Vũ Thị Hường	19/05/1985	Khác	**41,7**	41,7			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Ngoại ngữ
281	CS281	Đặng Thị Hướng	01/7/1989	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn
282	CS282	Khúc Văn Huy	30/5/2001	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
283	CS283	Bùi Thị Huyền	15/7/1990	SP	**95,8**	95,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
284	CS284	Bùi Thị Thanh Huyền	09/06/1999	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Toán
285	CS285	Đặng Ngọc Huyền	24/08/2003	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
286	CS286	Đỗ Thị Huyền	09/01/1987	Khác	**57,5**	57,5			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn
287	CS287	Đỗ Thị Thanh Huyền	20/7/1989	Khác		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
288	CS288	Đoàn Khánh Huyền	01/5/2003	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	
289	CS289	Hoàng Thị Huyền	29/3/1991	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
290	CS290	Hoàng Thị Huyền	15/5/2001	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá
291	CS291	Lê Thanh Huyền	02/12/1986	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
292	CS292	Lê Thị Huyền	02/01/1991	SP	**45,8**	45,8			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
293	CS293	Lê Thị Thanh Huyền	19/6/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
294	CS294	Lê Thị Thu Huyền	07/10/1990	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	
295	CS295	Nghiêm Thu Huyền	04/9/1996	SP	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
296	CS296	Nguyễn Thị Huyền	22/4/1993	SP	**61,7**	61,7			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
297	CS297	Nguyễn Thị Huyền	23/11/1991	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Đạo-CS-Công nghệ	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Công nghệ	Trường THCS Đại Đồng-CS-Công nghệ
298	CS298	Nguyễn Thị Khánh Huyền	10/9/1999	SP	**57,5**	57,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
299	CS299	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	04/4/1999	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
300	CS300	Nguyễn Thị Thanh Huyền	10/7/2003	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
301	CS301	Nguyễn Thị Thanh Huyền	16/9/1993	SP	**75,8**	75,8			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
302	CS302	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/11/2003	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
303	CS303	Nguyễn Thị Thanh Huyền	07/6/2003	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hoà Phong-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hoà Phong-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Ngoại ngữ
304	CS304	Nguyễn Thị Thu Huyền	13/02/2003	SP	**70**	65	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán
305	CS305	Phạm Phúc Ngọc Huyền	14/5/2001	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Công nghệ	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Công nghệ	Trường THCS An Tảo-CS-Công nghệ
306	CS306	Phan Thị Thu Huyền	23/10/1998	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá
307	CS307	Phùng Thị Huyền	07/9/2002	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Châu-CS-Địa	Trường THCS Tân Châu-CS-Địa	Trường THCS Dân Tiến-CS-Địa
308	CS308	Phùng Thị Thu Huyền	18/10/1998	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
309	CS309	Trần Khánh Huyền	20/9/1997	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
310	CS310	Trần Ngọc Huyền	14/8/1996	SP	**65,8**	65,8			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
311	CS311	Trần Thị Huyền	09/4/1990	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
312	CS312	Trần Thị Huyền	22/02/1998	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hoà Phong-CS-Lý	Trường THCS Hoà Phong-CS-Lý	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Lý
313	CS313	Phan Văn Huynh	20/11/1987	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Dị Sử-CS-Lý	Trường THCS Hoà Phong-CS-Lý
314	CS314	Đỗ Thị Ngọc Khánh	05/9/1998	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
315	CS315	Nguyễn Duy Khánh	17/02/2002	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Dị Sử-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Dị Sử-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ
316	CS316	Nguyễn Văn Khiêm	13/9/1983	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Toán	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán
317	CS317	Nguyễn Công Khoa	26/3/1981	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Hoá	
318	CS318	Trần Thị Hồng Khôi	20/7/1990	Khác		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
319	CS319	Ngô Thị Minh Khuê	16/10/2023	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán
320	CS320	Nguyễn Thanh Lam	05/5/1997	Khác	**41,7**	41,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Ngoại ngữ	
321	CS321	Phùng Thị Lam	11/9/1994	SP	**78,3**	73,3	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn
322	CS322	Đào Thị Mai Lan	10/7/2002	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Địa	Trường THCS Quảng Châu-CS-Địa	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Địa
323	CS323	Hoàng Thị Phương Lan	16/6/2003	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS TT Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
324	CS324	Hoàng Thị Thảo Lan	14/8/2002	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ
325	CS325	Kiều Thu Lan	20/9/2003	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
326	CS326	Lê Thị Mai Lan	12/12/2003	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn
327	CS327	Lều Thị Lan	11/9/1992	SP	**96,7**	96,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liên Phương-CS-Lý	Trường THCS Liên Phương-CS-Lý	Trường THCS Hiến Nam-CS-Lý
328	CS328	Nguyễn Bùi Hạnh Lan	29/6/2002	SP	**75**	75			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn
329	CS329	Nguyễn Phương Lan	20/12/2002	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
330	CS330	Nguyễn Thị Lan	19/6/1996	SP	**48,3**	48,3			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tân Dân-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
331	CS331	Nguyễn Thị Lan	16/9/1992	Khác	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nhuế Dương-CS-Ngoại ngữ
332	CS332	Nguyễn Thị Lan	11/10/1988	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
333	CS333	Nguyễn Thị Lan	11/11/1999	SP	**85**	85			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
334	CS334	Nguyễn Thị Lan	14/11/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	
335	CS335	Phạm Thị Thúy Lan	21/11/1996	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Lý	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Lý	
336	CS336	Vũ Mai Lan	01/01/1991	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	
337	CS337	Vũ Thị Lan	28/08/1991	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn
338	CS338	Mai Thị Lành	01/01/1991	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	
339	CS339	Nguyễn Thị Thanh Lê	12/01/1980	SP	**67,5**	62,5	5	Con nạn nhân nhiễm chất độc hóa học	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
340	CS340	Vũ Thị Hồng Lê	10/6/1991	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhật Tân-CS-Sinh	Trường THCS Nhật Tân-CS-Sinh	
341	CS341	Lê Thị Lệ	06/3/1998	SP	**60,8**	60,8			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn
342	CS342	Lê Thị Lệ	12/10/1992	Khác	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Văn	Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn
343	CS343	Lưu Thị Mỹ Lệ	04/09/1996	Khác	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Ngoại ngữ	
344	CS344	Nguyễn Thị Diễm Lệ	06/02/2002	SP	**54,2**	54,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Lý	Trường THCS Quảng Châu-CS-Lý
345	CS345	Vũ Thị Lệ	27/09/1994	Khác	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
346	CS346	Bùi Thị Bích Liên	25/8/1996	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	
347	CS347	Lê Thị Liên	12/5/1998	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
348	CS348	Nguyễn Hồng Liên	09/6/2003	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
349	CS349	Nguyễn Ngọc Liên	01/11/1978	SP	**76,7**	76,7			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Dị Sử-CS-Ngoại ngữ
350	CS350	Vũ Thị Kim Liên	16/5/1994	SP	**84,2**	79,2	5	Con thương binh	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Tảo-CS-Lý	Trường THCS An Tảo-CS-Lý	Trường THCS Liên Phương-CS-Lý
351	CS351	Nguyễn Thị Liền	29/6/2002	SP	**40**	40			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán
352	CS352	Nguyễn Thị Liễu	09/8/1991	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Công nghệ	Trường THCS Thị trấn Khoái Châu-CS-Công nghệ
353	CS353	Nguyễn Thị Liễu	15/7/1988	Khác	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
354	CS354	Trần Thị Liễu	04/11/1992	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
355	CS355	Bùi Khánh Linh	06/9/2003	SP	**92,5**	92,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
356	CS356	Chu Hoàng Khánh Linh	23/10/2002	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh	Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh
357	CS357	Đỗ Hoàng Mai Linh	17/6/2003	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn
358	CS358	Dương Thùy Linh	14/08/1994	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
359	CS359	Hà Khánh Linh	17/03/2002	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
360	CS360	Hoàng Khánh Linh	07/10/2003	SP	**48,3**	48,3			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
361	CS361	Hoàng Khánh Linh	05/11/2000	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	
362	CS362	Hoàng Thị Thùy Linh	31/10/1999	Khác	**57,5**	57,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hồ Tùng Mậu-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hồ Tùng Mậu-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tiền Phong-CS-Ngoại ngữ
363	CS363	Lê Hồng Linh	09/02/1996	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	TB		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
364	CS364	Lương Thị Thùy Linh	03/10/1996	SP	**62,5**	62,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
365	CS365	Mai Việt Linh	12/02/1989	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
366	CS366	Ngô Thị Thùy Linh	26/10/1997	SP	**86,7**	81,7	5	Con Bệnh binh 2/3-65%	Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Lý	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Lý	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Lý
367	CS367	Nguyễn Thị Diệu Linh	17/10/1997	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
368	CS368	Nguyễn Thị Diệu Linh	16/12/2002	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Ngoại ngữ
369	CS369	Nguyễn Thị Hải Linh	03/8/1999	Khác	**46,7**	46,7			Cử nhân	TB		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn
370	CS370	Nguyễn Thị Huyền Linh	04/02/1992	Khác	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
371	CS371	Nguyễn Thị Linh	13/11/1993	Khác	**85,8**	85,8			Cử nhân	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
372	CS372	Nguyễn Thùy Linh	29/10/2003	SP	**91,7**	91,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán
373	CS373	Nguyễn Thùy Linh	03/7/2002	SP	**80**	80			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Trưng Trắc-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
374	CS374	Nguyễn Thùy Linh	25/7/2003	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
375	CS375	Phạm Khánh Linh	20/10/2002	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Lý	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Lý	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý
376	CS376	Phạm Thị Diệu Linh	13/3/2003	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
377	CS377	Phạm Thùy Linh	16/12/2003	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ
378	CS378	Phùng Mai Linh	17/9/2003	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Lý
379	CS379	Trần Mỹ Linh	26/7/2003	SP	**42,5**	42,5			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý
380	CS380	Trần Thị Ngọc Linh	15/02/2002	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
381	CS381	Trần Thùy Linh	29/09/2002	SP	**43,3**	43,3			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
382	CS382	Trương Thị Linh	04/7/2001	SP	**70**	70			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Văn	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn
383	CS383	Trương Thị Thùy Linh	23/02/2001	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
384	CS384	Ứng Thị Thùy Linh	14/03/1995	SP	**90,8**	90,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
385	CS385	Vũ Thị Hoài Linh	13/12/2001	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
386	CS386	Vũ Thị Linh	29/01/1999	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
387	CS387	Đinh Thị Lĩnh	20/02/1999	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Toán
388	CS388	Đào Thị Loan	15/9/1987	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
389	CS389	Ngô Bảo Loan	19/10/2003	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
390	CS390	Ngô Thị Loan	27/09/1993	SP	**47,5**	47,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn
391	CS391	Ngô Thị Loan	05/6/1992	SP	**95,8**	95,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Hoá	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Hoá
392	CS392	Nguyễn Thanh Loan	07/4/2002	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
393	CS393	Nguyễn Thanh Loan	20/3/2001	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
394	CS394	Nguyễn Thị Loan	09/9/1989	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá
395	CS395	Nguyễn Thị Thanh Loan	12/06/1994	SP	**80**	80			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
396	CS396	Vũ Thị Thanh Loan	11/10/2002	SP	**69,2**	69,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hiến Nam-CS-Sử	Trường THCS Hiến Nam-CS-Sử	Trường THCS Liên Phương-CS-Sử
397	CS397	Vương Thị Loan	07/12/1992	SP	**79,2**	79,2			Đại học	khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Sinh	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Sinh	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Sinh
398	CS398	Đỗ Thế Long	20/4/1989	Khác	**45**	45			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
399	CS399	Nguyễn Hải Long	02/6/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
400	CS400	Vũ Thị Hồng Lụa	16/5/1990	SP	**73,3**	73,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn
401	CS401	Nguyễn Thị Lương	22/11/1998	SP	**51,7**	51,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Ngoại ngữ
402	CS402	Phạm Thị Lương	16/07/1994	SP	**73,3**	73,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
403	CS403	Trần Thị Lượt	24/8/1988	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
404	CS404	Nguyễn Thị Luyên	09/3/1989	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Văn
405	CS405	Đỗ Thị Luyến	20/9/1997	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Sử	Trường THCS An Tảo-CS-Sử
406	CS406	Nguyễn Thị Luyến	10/11/1998	SP	**52,5**	52,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
407	CS407	Nguyễn Thị Luyến	20/1/1987	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hoà Phong-CS-Văn	Trường THCS Hoà Phong-CS-Văn	Trường TH và THCS Bạch Sam-CS-Văn
408	CS408	Nguyễn Thị Luyến	01/07/1990	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Văn
409	CS409	Trịnh Thị Luyến	06/11/1989	SP	**64,2**	59,2	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
410	CS410	Bùi Cẩm Ly	08/03/2003	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán
411	CS411	Phan Thị Mai Ly	13/3/2001	Khác	**71,7**	71,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hoà Phong-CS-Ngoại ngữ
412	CS412	Thạch Thị Ly	10/10/1987	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Toán
413	CS413	Nguyễn Thị Lý	11/11/1989	SP	**54,2**	54,2			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
414	CS414	Nguyễn Thị Lý	20/4/1986	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán
415	CS415	Trần Thị Minh Lý	05/11/1997	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
416	CS416	Bạch Thị Mai	20/4/1992	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Văn
417	CS417	Giáp Thị Mai	26/7/1999	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Toán
418	CS418	Hoàng Thị Mai	20/3/1989	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lệ Xá-CS-Âm nhạc	Trường THCS Lệ Xá-CS-Âm nhạc	
419	CS419	Lê Thị Tuyết Mai	22/8/1992	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
420	CS420	Ngô Thanh Mai	01/6/2003	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
421	CS421	Nguyễn Ngọc Mai	08/06/1989	SP		Vắng			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	
422	CS422	Nguyễn Sao Mai	22/01/2000	Khác	**45**	45			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn	
423	CS423	Nguyễn Thanh Mai	26/5/2000	Khác	**49,2**	49,2			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
424	CS424	Nguyễn Thị Hoàng Mai	22/9/1996	SP	**48,3**	48,3			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường THCS Yên Phú-CS-Hoá
425	CS425	Nguyễn Thị Mai	16/8/2002	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Sinh	
426	CS426	Nguyễn Thị Mai	19/01/1990	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Văn	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-CS-Văn	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Văn
427	CS427	Nguyễn Thị Mai	22/09/2001	SP	**86,7**	86,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Toán
428	CS428	Nguyễn Thị Mai	29/05/1991	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Âm nhạc	Trường THCS Yên Phú-CS-Âm nhạc	Trường THCS Đình Cao-CS-Âm nhạc
429	CS429	Nguyễn Thị Thanh Mai	31/7/1996	SP	**84,2**	84,2			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
430	CS430	Nguyễn Thị Thu Mai	25/12/2002	SP	**79,2**	79,2			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
431	CS431	Nguyễn Thị Xuân Mai	03/3/2003	SP	**90**	90			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Toán
432	CS432	Nguyễn Thị Mái	20/03/1989	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
433	CS433	Lê Thị Mận	16/01/1990	SP	**90**	90			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá
434	CS434	Quách Thị Mận	16/02/1992	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	
435	CS435	Trần Thị Mận	14/06/1989	SP	**76,7**	76,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
436	CS436	Nguyễn Thị Hồng May	30/7/1991	SP	**43,3**	43,3			Đại học	TB		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
437	CS437	Nguyễn Thị May	10/04/2002	SP	**65**	65			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
438	CS438	Bùi Thị Mây	13/9/1989	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ
439	CS439	Trần Thị Mến	02/12/1988	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Văn
440	CS440	Nguyễn Huyền Mi	28/09/1998	Khác	**57,5**	57,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Văn	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Văn	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Văn
441	CS441	Nguyễn Thị Mi	22/8/1999	SP	**54,2**	54,2			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá
442	CS442	Thân Thị Miên	16/6/1980	Khác	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hoà Phong-CS-Ngoại ngữ
443	CS443	Quách Thị Miền	15/9/1990	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	
444	CS444	Vũ Thị Miền	15/09/1993	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
445	CS445	Đào Thị Minh	28/02/1990	Khác	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
446	CS446	Nguyễn Huy Hoàng Minh	02/12/2003	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá
447	CS447	Nguyễn Thị Minh	09/3/1988	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Văn	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Văn	Trường TH và THCS Xuân Dục-CS-Văn
448	CS448	Vũ Thị Mơ	14/6/1991	SP	**60**	60			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
449	CS449	Vũ Thị Mừng	27/5/1988	Khác	**70,8**	65,8	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn
450	CS450	Đỗ Văn Mười	28/05/2003	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Sử	Trường THCS Yên Phú-CS-Sử	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Sử
451	CS451	Phạm Thị Na	11/05/1989	SP	**83,3**	83,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
452	CS452	Nguyễn Phương Nam	05/12/2002	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá
453	CS453	Nguyễn Thị Hoài Nam	19/05/2001	SP	**58,3**	58,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Văn
454	CS454	Hoàng Thị Phương Nga	20/3/2003	SP	**75**	75			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tiền Phong-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Tiền Phong-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hồ Tùng Mậu-CS-Ngoại ngữ
455	CS455	Lê Thị Quỳnh Nga	13/3/2002	SP	**40,8**	40,8			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
456	CS456	Lương Thị Nga	20/02/1999	SP	**51,7**	51,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
457	CS457	Lương Thị Nga	10/10/1990	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Công nghệ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Công nghệ
458	CS458	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán
459	CS459	Nguyễn Thị Nga	11/3/1993	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chí Tân-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán
460	CS460	Nguyễn Thị Nga	12/8/1995	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
461	CS461	Nguyễn Thị Nga	02/10/1992	SP	**75**	75			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Lý	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Lý	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý
462	CS462	Nguyễn Thị Nga	02/01/2003	SP	**90**	90			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ
463	CS463	Nguyễn Thị Nga	25/11/2003	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Liên Phương-CS-Lý	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý
464	CS464	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	10/3/2003	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Vân Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
465	CS465	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	14/8/2001	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
466	CS466	Nguyễn Tuyết Nga	28/02/2000	Khác	**55,8**	55,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ
467	CS467	Phạm Thuý Nga	30/4/1998	SP	**78,3**	78,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Tảo-CS-Địa	Trường THCS An Tảo-CS-Địa	Trường THCS Hiến Nam-CS-Địa
468	CS468	Phan Thị Nga	25/9/1991	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Văn	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Văn	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Văn
469	CS469	Trần Thị Nga	28/10/1993	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Hoá	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá
470	CS470	Trần Thị Nga	14/11/1992	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-Địa	Trường THCS Quảng Châu-CS-Địa	Trường THCS Liên Phương-CS-Địa
471	CS471	Trịnh Thị Nga	14/01/1992	SP	**73,3**	73,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Toán	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
472	CS472	Đỗ Thị Ngà	02/5/1989	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
473	CS473	Bùi Thị Kim Ngân	22/12/1997	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
474	CS474	Bùi Thị Kim Ngân	23/03/1987	SP	**43,3**	43,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
475	CS475	Đoàn Thu Ngân	23/07/2001	SP	**38,3**	38,3			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
476	CS476	Hoàng Thị Ngân	01/02/1999	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán
477	CS477	Nguyễn Kim Ngân	21/3/2003	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
478	CS478	Nguyễn Thị Ngân	25/7/1997	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý	
479	CS479	Nguyễn Thị Thúy Ngân	02/8/2002	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Quang Vinh-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Quang Vinh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Hồ Tùng Mậu-CS-Ngoại ngữ
480	CS480	Nguyễn Thu Ngân	15/12/1998	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
481	CS481	Nguyễn Thúy Ngân	03/04/2002	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
482	CS482	Nguyễn Thùy Ngân	28/6/1994	SP	**75**	75			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lê Lợi-CS-Lý	Trường THCS Lê Lợi-CS-Lý	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Lý
483	CS483	Phùng Mai Ngân	10/5/2003	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
484	CS484	Vũ Phương Ngân	13/10/2001	SP	**90**	90			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
485	CS485	Tống Thị Ngần	30/11/1994	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	
486	CS486	Trịnh Thị Ngần	30/12/1990	SP	**79,2**	79,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Sinh	Trường THCS Yên Phú-CS-Sinh	Trường THCS Trung Hoà-CS-Sinh
487	CS487	Hoàng Thị Hồng Ngát	23/12/2002	SP	**49,2**	49,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá
488	CS488	Nguyễn Thị Hồng Ngát	20/04/1997	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Thị trấn Yên Mỹ-CS-Ngoại ngữ
489	CS489	Dương Trung Nghĩa	05/02/1985	Khác	**45,8**	45,8			Đại học	khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán
490	CS490	Trịnh Thị Nghĩa	31/5/1993	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
491	CS491	Vũ Thị Ngoan	02/10/1986	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
492	CS492	Đoàn Thị Khánh Ngọc	27/6/2001	SP	**91,7**	86,7	5	Con thương binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	
493	CS493	Hoàng Bảo Ngọc	18/4/2000	Khác	**73,3**	73,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Ngoại ngữ
494	CS494	Lê Như Ngọc	02/9/2003	SP	**80**	80			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
495	CS495	Lê Thị Hồng Ngọc	11/12/2002	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá
496	CS496	Lê Thị Hồng Ngọc	14/8/1993	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
497	CS497	Nguyễn Thị Minh Ngọc	16/8/1991	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Toán
498	CS498	Nguyễn Thị Ngọc	20/02/1994	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
499	CS499	Nguyễn Thị Ngọc	23/01/1993	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
500	CS500	Phạm Thị Ngọc	15/6/1992	Khác	**85,8**	85,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Ngoại ngữ
501	CS501	Phùng Thị Anh Ngọc	17/01/1989	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	
502	CS502	Trần Thị Mỹ Ngọc	30/3/1998	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán
503	CS503	Trương Hồng Ngọc	22/4/1999	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Châu-CS-Sinh	Trường THCS Tân Châu-CS-Sinh	Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Sinh
504	CS504	Vũ Thị Ngọc	27/4/2000	SP	**87,5**	87,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
505	CS505	Vũ Thị Ngọc	18/10/1989	SP	**68,3**	68,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-GDCD	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-GDCD	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-GDCD
506	CS506	Vũ Thị Như Ngọc	01/03/1997	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Lý	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Lý
507	CS507	Ngô Thị Nguyên	10/11/1987	Khác	**60**	60			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cẩm Xá-CS-Văn	Trường THCS Cẩm Xá-CS-Văn	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Văn
508	CS508	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	21/10/2002	SP	**90,8**	90,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Toán
509	CS509	Đào Thị Nguyệt	04/3/2003	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
510	CS510	Đỗ Minh Nguyệt	30/8/1999	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Ngoại ngữ
511	CS511	Đỗ Thị Nguyệt	21/6/1997	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
512	CS512	Hoàng Thị Nguyệt	16/12/1993	SP	**51,7**	51,7			Đại học	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Sử	Trường THCS Minh Hải-CS-Sử	Trường THCS Đại Đồng-CS-Sử
513	CS513	Nguyễn Thị Nguyệt	14/6/1997	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá
514	CS514	Vương Thị Minh Nguyệt	03/6/2001	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
515	CS515	Đàm Thị Thanh Nhàn	24/11/1994	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán
516	CS516	Nguyễn Thị Nhàn	05/5/1999	SP	**73,3**	73,3			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ
517	CS517	Phạm Thị Nhàn	02/11/2001	SP	**84,2**	84,2			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Tảo-CS-GDCD	Trường THCS An Tảo-CS-GDCD	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-GDCD
518	CS518	Phạm Thị Nhàn	16/10/1995	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán
519	CS519	Phạm Thị Thúy Nhàn	15/4/1988	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Văn	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Văn	
520	CS520	Lê Quốc Nhất	27/8/1984	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
521	CS521	Nguyễn Thị Minh Nhất	17/01/1984	Khác	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Công nghệ	Trường THCS An Tảo-CS-Công nghệ
522	CS522	Ngô Thảo Nhi	09/11/1996	Khác	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Đạo-CS-Mỹ thuật	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Mỹ thuật	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Mỹ thuật
523	CS523	Phạm Thị Kim Nhớ	05/08/1994	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
524	CS524	Bùi Thị Như	12/11/1996	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
525	CS525	Nguyễn Thị Như	18/7/1992	SP	**59,2**	54,2	5	Con thương binh hạng 4/4 (31%)	Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
526	CS526	Bùi Hồng Nhung	15/01/1989	SP	**65**	65			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn
527	CS527	Chu Thị Nhung	22/11/1997	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	
528	CS528	Đinh Huyền Nhung	10/9/2002	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
529	CS529	Đỗ Thị Hồng Nhung	29/06/1992	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Lý
530	CS530	Đỗ Thị Nhung	21/9/1997	SP	**84,2**	84,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
531	CS531	Hoàng Thị Nhung	23/7/1981	SP	**65,8**	65,8			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Bắn Yên Nhân-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
532	CS532	Lê Thị Nhung	07/9/1993	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Toàn Thắng-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán	Trường THCS Toàn Thắng-CS-Toán
533	CS533	Nguyễn Hồng Nhung	18/11/2003	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Công nghệ
534	CS534	Nguyễn Thị Hồng Nhung	09/02/2001	SP	**59,2**	59,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
535	CS535	Nguyễn Thị Hồng Nhung	03/02/1993	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn	
536	CS536	Phạm Thị Hồng Nhung	04/11/1994	SP	**83,3**	83,3			Thạc sĩ/ Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
537	CS537	Phí Thị Nhung	25/3/1987	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
538	CS538	Trần Thị Hồng Nhung	01/01/1998	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý
539	CS539	Trần Thị Nhung	06/12/1994	SP	**80,8**	80,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
540	CS540	Lê Thị Ninh	17/06/1996	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
541	CS541	Đỗ Thị Nụ	07/11/1996	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Dân-CS-Toán	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán
542	CS542	Ngô Thị Nụ	02/7/1989	SP	**75**	75			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn	
543	CS543	Bùi Thị Kim Oanh	16/10/1989	SP	**97,5**	97,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-Sử	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sử	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Sử
544	CS544	Hoàng Thị Kim Oanh	25/10/2003	SP	**92,5**	92,5			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
545	CS545	Lê Thị Oanh	01/02/1992	SP	**65**	65			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
546	CS546	Nguyễn Kim Oanh	11/3/1995	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoà	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoà
547	CS547	Nguyễn Thị Oanh	11/11/1994	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
548	CS548	Nguyễn Thị Oanh	01/11/1999	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ
549	CS549	Phạm Thị Kiều Oanh	07/6/2003	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
550	CS550	Hoa Quốc Phong	05/11/2002	SP	72,5	72,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
551	CS551	Nguyễn Khắc Phong	18/7/2003	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
552	CS552	Ngô Xuân Phú	27/11/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	
553	CS553	Phạm Hồng Phúc	23/3/2002	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Sinh	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Sinh	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh
554	CS554	Nguyễn Thị Phức	10/6/1992	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
555	CS555	Chu Hữu Phước	16/11/1984	SP	**50**	50			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
556	CS556	Đào Thị Bích Phương	27/9/2001	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Sinh	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh
557	CS557	Hoàng Thị Phương	08/6/1992	SP	**75**	75			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh	Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh
558	CS558	Lê Anh Phương	22/5/1997	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh	Trường THCS Liên Phương-CS-Sinh
559	CS559	Lê Thị Phương	20/4/1986	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Địa	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Địa	Trường THCS Liên Phương-CS-Địa
560	CS560	Nguyễn Bích Phương	02/01/1996	SP	**54,2**	54,2			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán	Trường THCS Đức Hợp-CS-Toán
561	CS561	Nguyễn Hà Phương	11/02/2003	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
562	CS562	Nguyễn Thị Bích Phương	07/10/2002	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Liêu Xá-CS-Ngoại ngữ
563	CS563	Nguyễn Thị Lan Phương	01/12/1990	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Sinh	
564	CS564	Nguyễn Thị Phương	10/9/1991	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán	Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán
565	CS565	Nguyễn Thị Phương	27/11/1996	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán
566	CS566	Nguyễn Thu Phương	16/11/1994	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
567	CS567	Nguyễn Thu Phương	20/12/2001	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
568	CS568	Nguyễn Xuân Phương	19/6/1997	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
569	CS569	Phạm Thị Hà Phương	01/11/2002	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Hoá	Trường THCS Phùng Chí Kiên-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Hoá
570	CS570	Phạm Thị Phương	01/6/1987	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán
571	CS571	Phạm Thị Phương	20/12/1990	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
572	CS572	Phạm Thị Thu Phương	06/02/2003	SP	**68,3**	68,3			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán
573	CS573	Tạ Vũ Bảo Phương	24/4/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
574	CS574	Trần Thị Mai Phương	11/11/2003	SP	**84,2**	84,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liên Phương-CS-Sử	Trường THCS Liên Phương-CS-Sử	Trường THCS Lê Lợi-CS-Sử

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
575	CS575	Trương Thị Minh Phương	25/9/1991	Khác	**43,2**	44,2			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Nguyên Hoá-CS-Toán	
576	CS576	Vũ Thị Minh Phương	06/9/1988	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn
577	CS577	Đàm Thị Thu Phượng	27/9/2002	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
578	CS578	Nguyễn Bích Phượng	15/6/1990	Khác	**80,8**	80,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Sinh	Trường TH và THCS Liên Khê-CS-Sinh	
579	CS579	Nguyễn Thị Bích Phượng	06/11/2000	Khác	**75,8**	75,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán
580	CS580	Nguyễn Thị Long Phượng	10/8/1992	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Song Mai-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Song Mai-CS-Ngoại ngữ	
581	CS581	Nguyễn Thị Phượng	10/8/1985	Khác	**55**	55			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn
582	CS582	Vũ Thị Phượng	28/4/1997	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
583	CS583	Đỗ Minh Quang	09/10/1990	SP	**92,5**	92,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-Lý	Trường THCS Quảng Châu-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý
584	CS584	Nguyễn Võ Đại Quốc	15/6/1997	SP	**72,5**	70	2,5	Bộ đội xuất ngũ	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán	Trường THCS Tân Dân-CS-Toán
585	CS585	Nguyễn Văn Quý	28/10/1988	SP	75	70	5	Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học	Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	
586	CS586	Lê Trang Quyên	08/7/2003	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
587	CS587	Nguyễn Lệ Quyên	02/11/1994	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Toán
588	CS588	Nguyễn Thị Quyên	29/9/1989	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Văn	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Văn	Trường THCS Hoà Phong-CS-Văn
589	CS589	Hoàng Ngọc Quyền	06/11/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
590	CS590	Bùi Hương Quỳnh	29/07/2003	SP	**61,7**	61,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Văn	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Văn	Trường THCS Trưng Hoà-CS-Văn
591	CS591	Bùi Thị Quỳnh	29/5/1994	SP	**75**	75			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
592	CS592	Dương Thị Ngọc Quỳnh	09/8/2001	SP	**82,5**	82,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
593	CS593	Lê Anh Quỳnh	19/12/2003	SP	**83,3**	83,3			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn
594	CS594	Nguyễn Ngọc Quỳnh	18/9/1999	Khác	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ
595	CS595	Nguyễn Như Quỳnh	10/9/1987	SP	**89,2**	89,2			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
596	CS596	Nguyễn Như Quỳnh	23/8/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
597	CS597	Nguyễn Thị Quỳnh	03/01/2001	SP	**93,3**	93,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
598	CS598	Nguyễn Thị Quỳnh	03/12/1997	SP	**88,3**	88,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-GDCD	Trường THCS Liên Phương-CS-GDCD	Trường THCS Quảng Châu-CS-GDCD
599	CS599	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	22/11/1991	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn
600	CS601	Phạm Thị Hương Quỳnh	06/01/2003	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
601	CS602	Phạm Thị Như Quỳnh	10/9/1995	SP	**85,8**	85,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Công nghệ	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Công nghệ	Trường THCS Liên Phương-CS-Công nghệ
602	CS603	Phạm Thị Thúy Quỳnh	24/7/1990	SP	**95**	95			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
603	CS604	Phạm Thị Tú Quỳnh	25/01/2001	SP	**41,7**	41,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Công nghệ	Trường THCS Liên Phương-CS-Công nghệ
604	CS605	Phạm Thúy Quỳnh	14/03/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
605	CS606	Trần Thị Quỳnh	13/11/1996	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
606	CS607	Trương Thị Ngọc Quỳnh	17/10/1997	SP	**93,3**	93,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
607	CS608	Đào Thị Sinh	01/12/1990	SP	**83,3**	83,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
608	CS609	Nguyễn Văn Sinh	20/3/1993	SP	**90,8**	90,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh	Trường THCS Trung Hoà-CS-Sinh
609	CS610	Lê Tuấn Sơn	07/5/1995	SP	**94,2**	89,2	5	Con Thương binh; con của người nhiễm chất độc hóa học	Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán
610	CS611	Nguyễn Thanh Sơn	06/11/2002	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá
611	CS612	Lưu Thị Song	16/11/1990	Khác	**73,3**	73,3			Thạc sĩ/ Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
612	CS613	Nguyễn Tiến Sỹ	27/11/2001	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
613	CS614	Chu Thị Thanh Tâm	19/5/1993	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trưng Trắc-CS-Toán	Trường TH và THCS Trưng Trắc-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
614	CS615	Đinh Thị Tâm	11/9/1992	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhân Hoà-CS-Sinh	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Sinh	Trường THCS Dị Sử-CS-Sinh
615	CS616	Lê Thị Minh Tâm	23/6/1977	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn	Trường TH và THCS Nhân La-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn
616	CS617	Nguyễn Linh Tâm	26/5/2003	SP	**80**	80			Cử nhân	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Tảo-CS-Sử	Trường THCS An Tảo-CS-Sử	Trường THCS Hiến Nam-CS-Sử
617	CS618	Nguyễn Thị Thái	01/7/1991	SP	**74,2**	74,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
618	CS619	Ngô Thị Thắm	04/02/1999	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý
619	CS620	Nguyễn Hồng Thắm	02/01/1999	SP	**61,7**	61,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn
620	CS621	Nguyễn Thị Thắm	14/08/1987	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
621	CS622	Trần Thị Thán	28/7/1988	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Sinh	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
622	CS623	Đinh Thị Thanh	26/9/1997	SP		Vắng			Đại học Thạc sĩ	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Lý	Trường TH và THCS Tân Việt-CS-Lý
623	CS624	Hoàng Thị Thanh	07/4/1994	SP	**58,3**	58,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh	Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh
624	CS625	Nguyễn Thị Thanh	22/02/1992	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Lý	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Lý
625	CS626	Nguyễn Thị Thanh	11/11/1999	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán	Trường TH và THCS Phú Cường-CS-Toán	Trường THCS TT Lương Bằng-CS-Toán
626	CS627	Lê Minh Thành	10/11/1994	Khác	**45**	45			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Mỹ thuật
627	CS628	Nguyễn Ngọc Thành	05/4/1999	Khác	**50**	50			Kỹ sư	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Công nghệ	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Công nghệ	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Công nghệ
628	CS629	Vũ Thị Thao	01/8/1989	SP	**82,5**	77,5	5	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
629	CS630	Bùi Thu Thảo	24/04/2003	SP	**94,2**	89,2	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn
630	CS631	Hoàng Thu Thảo	29/3/2001	SP	**27,5**	27,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Toán
631	CS632	Lâm Hoàng Bích Thảo	16/12/2002	SP	**78,3**	78,3			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
632	CS633	Lê Thị Phương Thảo	17/11/2003	SP	**79,2**	79,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đồng Than-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Hoá
633	CS634	Lê Thị Thảo	17/02/1987	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-GDCD	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-GDCD	Trường THCS Lê Lợi-CS-GDCD
634	CS635	Ngô Thị Phương Thảo	21/01/1995	SP	**66,7**	66,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
635	CS636	Ngô Thị Quyên Thảo	23/4/2002	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
636	CS637	Ngô Thị Thảo	23/12/2002	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Hoá
637	CS638	Ngô Thị Thảo	22/08/1988	Khác	**69,2**	69,2			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
638	CS639	Nguyễn Phương Thảo	26/3/1994	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý
639	CS640	Nguyễn Phương Thảo	04/11/2002	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Minh Tân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ
640	CS641	Nguyễn Thị Bích Thảo	02/01/2000	Khác	**67,5**	67,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Hoà Phong-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Ngoại ngữ
641	CS642	Nguyễn Thị Bích Thảo	30/6/1982	SP	**79,2**	79,2			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS An Tảo-CS-Lý	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Lý
642	CS643	Nguyễn Thị Thảo	13/7/2000	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn
643	CS644	Nguyễn Thị Thảo	10/6/1987	Khác	**65**	65			Đại học/ Thạc sĩ	Khá/ Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lê Lợi-CS-Sử	Trường THCS Lê Lợi-CS-Sử	Trường THCS Liên Phương-CS-Sử
644	CS645	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/9/1994	SP	**70**	70			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
645	CS646	Nguyễn Thị Thu Thảo	19/07/1994	SP	**60**	60			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
646	CS647	Nguyễn Thị Thu Thảo	04/6/1999	SP	**77,5**	77,5			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Liên Phương-CS-Sinh	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh
647	CS648	Nguyễn Thu Thảo	10/08/1998	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	
648	CS649	Phạm Thị Thảo	05/7/1995	SP	**78,3**	78,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Lý	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Lý	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Lý
649	CS650	Trần Thị Phương Thảo	06/09/2002	SP	**69,2**	69,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
650	CS651	Vũ Phương Thảo	03/9/2003	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Toán	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Toán	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán
651	CS652	Vũ Phương Thảo	13/9/2003	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bạch Sam-CS-Toán	Trường TH và THCS Bạch Sam-CS-Toán	
652	CS653	Vũ Thị Phương Thảo	04/6/2003	SP	**90**	90			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
653	CS654	Lê Thị The	03/02/1989	SP	**74,2**	74,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
654	CS655	Trần Thị Thêm	15/7/1993	SP	**85**	85			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
655	CS656	Hà Thị Thơ	28/7/1990	SP	**80,8**	80,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Phương Chiểu-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ
656	CS657	Dương Thị Thoa	04/02/1984	SP	**68,3**	68,3			Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Âm nhạc	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Âm nhạc	Trường THCS Lệ Xá-CS-Âm nhạc
657	CS658	Nguyễn Thị Kim Thoa	12/05/1997	SP	**65**	65			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Hoá	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Hoá	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-Hoá
658	CS659	Nguyễn Thị Thoa	23/4/1991	SP	**75,8**	75,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn
659	CS660	Trần Thị Thoa	06/11/1991	SP	**75**	75			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
660	CS661	Lê Thị Thoảng	01/11/1989	SP	**74,2**	74,2			Đại học	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Sinh
661	CS662	Nguyễn Thị Thơm	20/6/1993	Khác	**76,7**	76,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS TT Lương Bằng-CS-Văn	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Văn	Trường TH và THCS Hùng An-CS-Văn
662	CS663	Dương Phương Thu	18/12/2002	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
663	CS664	Hoàng Thị Thu	08/3/1986	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
664	CS665	Mai Thị Thu	02/11/1994	SP	**60**	60			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
665	CS666	Nguyễn Hoài Thu	06/8/2000	SP	**55**	55			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
666	CS667	Nguyễn Thị Phương Thu	03/10/2002	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Toán	Trường TH và THCS Hồng Vân-CS-Toán
667	CS668	Phí Thị Hoài Thu	18/4/1991	SP	**80**	80			Đại học	TB		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Văn	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Văn	Trường TH và THCS Ngọc Lâm-CS-Văn
668	CS669	Trần Thị Thu	11/03/2000	SP	**47,5**	47,5			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý
669	CS670	Trịnh Thị Thu	02/11/1994	SP	**60,8**	60,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn
670	CS671	Vũ Thị Thu	08/9/1989	SP	**75**	75			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhật Tân-CS-Sinh	Trường THCS Đại Hưng-CS-Sinh

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
671	CS672	Đỗ Anh Thư	31/12/2002	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
672	CS673	Đỗ Thị Thư	12/11/1990	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn
673	CS674	Hoàng Thị Thư	11/7/1991	SP	**62,5**	62,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Lý	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Lý	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Lý
674	CS675	Nguyễn Anh Thư	17/02/2001	SP	**70**	70			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Đinh Dù-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đinh Dù-CS-Ngoại ngữ	
675	CS676	Nguyễn Anh Thư	05/9/1981	SP	**80**	80			Đại học	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liên Phương-CS-Sinh	Trường THCS Liên Phương-CS-Sinh	Trường THCS Quảng Châu-CS-Sinh
676	CS677	Nguyễn Thị Thanh Thư	02/12/1998	SP	**65**	65			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Toán
677	CS678	Nguyễn Thị Thư	27/3/2003	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
678	CS679	Phạm Thị Minh Thư	18/01/2003	SP	**77,5**	77,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
679	CS680	Phan Nguyễn Quỳnh Thư	12/7/2001	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Văn
680	CS681	Nguyễn Thị Hồng Thuận	01/09/1999	SP	59,2	59,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phu-CS-Sinh	Trường THCS Trung Hoà-CS-Sinh
681	CS682	Trần Thị Thuận	24/01/1994	SP	**55**	55			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh	Trường THCS Long Hưng-CS-Sinh	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Sinh
682	CS683	Phạm Đăng Thực	19/01/1989	SP	**84,2**	84,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán	Trường TH và THCS Hoàn Long-CS-Toán	Trường THCS Liêu Xá-CS-Toán
683	CS684	Phạm Thị Thương	14/10/1985	Khác	**61,7**	61,7			Cử nhân	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Hoá	Trường TH và THCS Việt Cường-CS-Hoá
684	CS685	Tống Thị Thương	23/5/1995	SP	**58,3**	58,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
685	CS686	Hoàng Thị Thuỳ	10/10/2000	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn
686	CS687	Ngô Thị Thuỳ	15/8/1993	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS An Tảo-CS-Lý	Trường THCS Lê Lợi-CS-Lý
687	CS688	Nguyễn Ngọc Thuỳ	15/7/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường THCS Liên Phương-CS-Hoá
688	CS689	Bùi Thị Thúy	10/8/1985	Khác	**84,2**	79,2	5	Con bệnh binh hạng 2 (61%)	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Tam Đa-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
689	CS690	Đặng Thị Thúy	11/02/1989	SP	**75,8**	75,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường THCS Hiệp Cường-CS-Hoá
690	CS691	Hà Thị Hồng Thúy	15/3/1997	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn	Trường TH và THCS Đinh Dù-CS-Văn
691	CS692	Hoàng Diệu Thúy	25/12/1983	SP	**48,3**	48,3	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Văn	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Văn
692	CS693	Kiều Thị Minh Thúy	19/11/1996	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn
693	CS694	Lê Thanh Thúy	18/8/1985	SP	**75,8**	75,8			Đại học/ Thạc sĩ	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Dân-CS-Sử	
694	CS695	Lê Thị Thúy	23/3/1993	SP	**81,7**	81,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
695	CS696	Nguyễn Thị Thúy	13/7/1989	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-Văn	Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-Văn	
696	CS697	Nguyễn Thị Thúy	14/11/1990	SP	**88,3**	88,3			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
697	CS698	Nguyễn Thị Thúy	05/07/1987	Khác	**60**	55	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	
698	CS699	Nguyễn Thị Thúy	26/7/1993	SP	**76,7**	76,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán	
699	CS700	Nguyễn Thị Thúy	09/9/1997	SP	**60**	60			Đại học	TB		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá
700	CS701	Nguyễn Thị Thúy	27/10/1990	SP	**70**	70			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Sử	Trường THCS Tân Quang-CS-Sử	Trường THCS Đại Đồng-CS-Sử
701	CS702	Nguyễn Thị Thúy	10/5/1997	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Toán
702	CS703	Nguyễn Thị Thúy	13/5/1995	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-CS-Toán	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
703	CS704	Nguyễn Thị Thúy	04/3/1994	SP	**52,5**	52,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa	Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Địa
704	CS705	Trần Thị Bích Thúy	02/9/1987	SP	**82,5**	82,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
705	CS706	Trần Thị Thanh Thúy	22/11/1998	Khác	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ
706	CS707	Trần Thị Thúy	12/11/1994	SP		Vắng			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Nhật Tân-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
707	CS708	Vũ Thanh Thúy	14/02/1996	SP	**95**	95			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
708	CS709	Vũ Thị Thúy	06/01/1988	SP	**69,2**	69,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán
709	CS710	An Thị Thu Thủy	20/12/1995	SP		Vắng			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
710	CS711	Đặng Thị Thu Thủy	15/10/1992	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Dân Tiến-CS-Địa	Trường THCS Dân Tiến-CS-Địa	Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa
711	CS712	Đinh Thị Thu Thủy	12/03/1998	SP	**65**	65			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
712	CS713	Dương Thanh Thủy	07/10/2002	SP	**78,3**	78,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
713	CS714	Hoàng Thị Thủy	24/6/1987	SP	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	
714	CS715	Lê Thu Thủy	29/11/1994	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
715	CS716	Ngô Thị Thủy	22/10/2003	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Sinh	Trường THCS Yên Phú-CS-Sinh
716	CS717	Nguyễn Lê Sơn Thủy	31/10/1997	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Dân-CS-Sử	
717	CS718	Nguyễn Thanh Thủy	24/3/1997	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Đạo-CS-Địa	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Địa	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Địa
718	CS719	Nguyên Thị Thủy	02/11/1992	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán	
719	CS720	Nguyễn Thị Thủy	18/4/1998	SP	**85**	85			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Toán
720	CS721	Nguyễn Thu Thủy	13/10/1999	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Lê Lợi-CS-Lý	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-Lý
721	CS722	Trần Thị Thu Thủy	07/5/1989	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS An Tảo-CS-Công nghệ	Trường THCS An Tảo-CS-Công nghệ	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-Công nghệ

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
722	CS723	Trần Thu Thủy	06/02/2001	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Hoá	Trường THCS Đồng Than-CS-Hoá
723	CS724	Triệu Thị Thanh Thủy	09/01/1993	SP	**84,2**	79,2	5	Dân tộc thiểu số (Dao)	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa	Trường THCS Lê Lợi-CS-Địa	Trường THCS Liên Phương-CS-Địa
724	CS725	Vũ Thị Thu Thủy	08/11/1988	SP	**69,2**	69,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán
725	CS726	Vương Hương Tiên	15/9/1994	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán	Trường THCS Dân Tiến-CS-Toán
726	CS727	Nguyễn Minh Tiến	01/6/2000	SP	**85**	85			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
727	CS728	Ngô Thị Tình	08/5/1994	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán
728	CS729	Nguyễn Thị Tình	02/6/1990	SP	**73,3**	73,3			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Hoá
729	CS730	Nguyễn Thị Tình	05/7/1990	SP	**70,8**	70,8			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
730	CS731	Lê Mạnh Toàn	23/6/1995	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
731	CS732	Lại Văn Tôn	11/04/1994	SP	**85**	85			Cử nhân	TB		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Toán
732	CS733	Vũ Thu Trà	13/10/2002	SP	**78,3**	78,3			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
733	CS734	Nguyễn Thị Trâm	05/9/1996	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Văn	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Văn
734	CS735	Bùi Thiên Trang	08/11/1996	SP	**79,2**	79,2			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Văn	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Văn
735	CS736	Đặng Minh Trang	29/11/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Lý	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Lý	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Lý
736	CS737	Đặng Quỳnh Trang	28/11/1996	SP	**72,5**	72,5			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
737	CS738	Đặng Thị Trang	21/3/2001	Khác	**63,3**	63,3			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
738	CS739	Đào Thị Trang	28/4/1999	SP	**60,8**	60,8			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS CLC Dương Phúc Tư-CS-Toán
739	CS740	Đỗ Thị Quỳnh Trang	24/08/2003	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
740	CS741	Đỗ Thị Quỳnh Trang	06/8/1989	SP	**60**	60			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Sử	Trường THCS An Tảo-CS-Sử	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Sử
741	CS742	Đỗ Thị Trang	23/8/2001	SP	**95,8**	95,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Toán
742	CS743	Đỗ Thị Trang	16/4/1996	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phù Cừ-CS-Lý	Trường TH và THCS Phù Cừ-CS-Lý	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Lý
743	CS744	Đỗ Thị Trang	14/09/2002	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	
744	CS745	Đỗ Thùy Trang	28/03/1998	Khác	**69,2**	69,2			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Văn
745	CS746	Dương Thị Trang	11/01/2003	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Bần Yên Nhân-CS-Toán	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Toán
746	CS747	Kiều Trang	29/9/1998	SP	**71,7**	71,7			Cử nhân/ Thạc sĩ	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Minh Hải-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
747	CS748	Lê Ngọc Trang	20/11/1997	Khác	**64,2**	59,2	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
748	CS749	Ngô Thị Huyền Trang	02/9/2000	SP	**60,8**	60,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn
749	CS750	Nguyễn Diệu Trang	04/5/2001	SP		Vắng			Cử nhân	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý
750	CS751	Nguyễn Minh Trang	11/08/1996	SP	**64,2**	64,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Ngoại ngữ
751	CS752	Nguyễn Thị Đoan Trang	09/10/1999	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Văn
752	CS753	Nguyễn Thị Hương Trang	10/9/1994	SP	**54,2**	54,2			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán
753	CS754	Nguyễn Thị Huyền Trang	29/9/2003	SP	**72,5**	72,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn
754	CS755	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/02/1996	SP		Vắng			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Xuân Quan-CS-Lý	Trường TH và THCS Tô Hiệu-CS-Lý
755	CS756	Nguyễn Thị Huyền Trang	28/12/2002	SP	**56,7**	56,7			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Địa	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Địa	Trường TH và THCS Hùng Cường-CS-Địa
756	CS757	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/10/2003	SP	**65,8**	65,8			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Sử	Trường TH và THCS Nghĩa Hiệp-CS-Sử	Trường THCS Yên Phú-CS-Sử
757	CS758	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	03/11/1999	SP	**83,3**	83,3			Đại học/ Thạc sĩ	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Lệ Xá-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá
758	CS759	Nguyễn Thị Thu Trang	12/01/1991	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đức Hợp-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Đức Hợp-CS-Ngoại ngữ	
759	CS760	Nguyễn Thị Thúy Trang	03/10/2002	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
760	CS761	Nguyễn Thu Trang	03/9/1997	SP	**77,5**	77,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Lương Tài-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
761	CS762	Nguyễn Thùy Trang	13/12/2001	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán
762	CS763	Phạm Thị Huyền Trang	24/4/1994	SP	**75,8**	75,8			Đại học	khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Dị Sử-CS-Sinh	Trường TH và THCS Phan Đình Phùng-CS-Sinh	Trường THCS Dị Sử-CS-Sinh
763	CS764	Phạm Thị Thu Trang	28/6/1997	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn
764	CS765	Phạm Thị Thu Trang	09/8/2000	SP	**68,3**	68,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán	Trường THCS Đại Đồng-CS-Toán
765	CS766	Phạm Thu Trang	07/9/1998	SP	**86,7**	86,7			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Đại Đồng-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Minh Hải-CS-Ngoại ngữ
766	CS767	Tạ Thị Huyền Trang	27/02/2001	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
767	CS768	Trần Huyền Trang	20/10/2002	SP	**57,5**	57,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Lạc Đạo-CS-Văn	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn
768	CS769	Trần Thị Thu Trang	17/9/1998	SP	**70**	70			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán
769	CS770	Trương Khánh Huyền Trang	08/11/2002	SP	**70,8**	70,8			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-GDCD	Trường THCS Yên Phú-CS-GDCD	Trường THCS Đại Đồng-CS-GDCD
770	CS771	Trương Thị Kiều Trang	19/4/2003	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường THCS Hiến Nam-CS-Toán
771	CS772	Trương Thị Trang	18/12/1999	SP	**80**	80			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Nguyễn Tất Thành-CS-Hoá	Trường TH và THCS Lam Sơn-CS-Hoá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển				Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
772	CS773	Nguyễn Duy Trăng	09/10/2002	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Công nghệ	Trường THCS Lạc Đạo-CS-Công nghệ	Trường THCS Đại Đồng-CS-Công nghệ
773	CS774	Dương Thị Trinh	13/01/1994	SP	**55,8**	55,8			Cử nhân	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Lạc Hồng-CS-Toán
774	CS775	Nguyễn Thị Trinh	04/11/2001	SP	**42,5**	42,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tứ Dân-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Hàm Tử-CS-Ngoại ngữ
775	CS776	Nông Hoàng Trung	20/02/1988	SP	**37,5**	37,5			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Hiến Nam-CS-GDTC	Trường TH và THCS Minh Khai-CS-GDTC
776	CS777	Trần Văn Trường	01/4/1997	SP	**50**	50			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-GDTC	Trường TH và THCS Phú Thịnh-CS-GDTC	
777	CS778	Nguyễn Ngọc Cẩm Tú	01/9/2002	SP	**62,5**	62,5			Đại học	X.sắc		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Lý	Trường THCS Minh Hải-CS-Lý
778	CS779	Phạm Thanh Tuấn	22/12/1985	SP	**77,5**	72,5	5	Con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Cử nhân	TB Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Toán	Trường TH và THCS Trung Dũng-CS-Toán
779	CS780	Trần Thị Tuấn	07/3/1990	SP	**81,7**	81,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Tống Trân-CS-Ngoại ngữ	
780	CS781	Bùi Xuân Tùng	19/06/2002	SP	**86,7**	81,7	5	Dân tộc thiểu số (Mường)	Đại học	X.sắc		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
781	CS782	Lại Văn Tùng	02/02/1997	SP	**79,2**	79,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Nhuế Dương-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Nhuế Dương-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Đông Tảo-CS-Ngoại ngữ
782	CS783	Nguyễn Doãn Tùng	12/8/1993	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Tân Quang-CS-Toán	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán
783	CS784	Quản Thanh Tùng	28/3/2000	SP	**50**	50			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Thắng Lợi-CS-Ngoại ngữ	
784	CS785	Đỗ Thị Tươi	10/08/1990	SP	**84,2**	84,2			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán	Trường THCS Liêu Xá-CS-Toán
785	CS787	Trần Thị Kim Tuyến	03/09/1993	SP	**46,7**	46,7			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường THCS Quang Hưng-CS-Văn
786	CS788	Vũ Thị Tuyến	28/7/1987	SP	**67,5**	67,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn	Trường THCS Lệ Xá-CS-Văn
787	CS789	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	12/4/2002	SP	**55,8**	55,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
788	CS790	Trương Thị Thanh Tuyền	06/11/1987	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Mỹ thuật	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Mỹ thuật	Trường THCS Dị Sử-CS-Mỹ thuật
789	CS791	Chu Thị Tuyến	18/08/1986	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Văn	Trường THCS Nguyễn Văn Linh-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn
790	CS792	Dương Thế Tuyền	15/7/1995	SP	**66,7**	64,2	2,5	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-GDCD	Trường THCS Đại Đồng-CS-GDCD
791	CS793	Cao Thị Tuyết	30/7/1999	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán	Trường THCS Hoà Phong-CS-Toán	Trường TH và THCS Dương Quang-CS-Toán
792	CS794	Hoàng Thị Tuyết	19/06/1987	SP	**76,7**	71,7	5	Con ruột của người được hưởng chính sách như thương binh	Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường THCS Trung Hoà-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn
793	CS795	Lê Thị Ánh Tuyết	21/11/1997	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
794	CS796	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	28/8/2003	SP	**71,7**	71,7			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Minh Hải-CS-Toán	Trường THCS Việt Hưng-CS-Toán
795	CS797	Nguyễn Thị Tuyết	04/01/1987	SP	**95**	90	5	Con thương bệnh binh	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán	Trường THCS Trung Hoà-CS-Toán
796	CS798	Nguyễn Thị Tuyết	31/08/1998	SP	**47,5**	47,5			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường TH và THCS Đình Dù-CS-Văn
797	CS799	Đỗ Thị Xuân Uyên	10/10/2002	SP	**63,3**	63,3			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Văn
798	CS800	Nguyễn Thị Thu Uyên	28/01/1995	SP	**72,5**	72,5			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-GDCD	Trường TH và THCS Lý Thường Kiệt-CS-GDCD	Trường TH và THCS Ngọc Long-CS-GDCD
799	CS801	Nguyễn Thị Tố Uyên	11/12/1998	Khác	**45**	45			Cử nhân	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Nhuế Dương-CS-Ngoại ngữ	
800	CS802	Bùi Thị Thúy Vân	22/9/2000	SP	**67,5**	67,5			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Hoá	Trường THCS Trọng điểm Lê Hữu Trác-CS-Hoá
801	CS803	Ngô Thị Vân	19/10/1989	SP	**85,8**	85,8			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Xuân Dục-CS-Văn	Trường TH và THCS Xuân Dục-CS-Văn	Trường TH và THCS Hưng Long-CS-Văn
802	CS804	Nguyễn Thị Ngọc Vân	25/7/1989	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Dị Sử-CS-Lý	Trường THCS Dị Sử-CS-Lý	Trường TH và THCS Bạch Sam-CS-Lý
803	CS805	Nguyễn Thị Vân	24/11/1994	SP	**55**	55			Đại học	Giỏi		Trúng tuyển NV2 vào Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Văn	Trường THCS Minh Hải-CS-Văn	Trường TH và THCS Chi Đạo-CS-Văn
804	CS806	Nguyễn Thị Vân	22/9/1997	SP	**76,7**	76,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Việt Hưng-CS-Văn
805	CS807	Quách Thị Thúy Vân	17/8/1990	SP	**44,2**	44,2			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn
806	CS808	Đinh Thị Viên	09/12/1991	SP		Vắng			Đại học	Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn	
807	CS809	Hoàng Thị Việt	29/7/1991	SP	**85,8**	80,8	5	Dân tộc thiểu số (Tày)	Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Đại Hưng-CS-Sinh	Trường THCS Tân Châu-CS-Sinh	Trường THCS Đại Hưng-CS-Sinh
808	CS810	Lê Thị Vinh	18/8/1992	SP	**62,5**	62,5			Đại học/ Thạc sĩ	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Như Quỳnh-CS-Văn	Trường THCS Đại Đồng-CS-Văn
809	CS811	Nguyễn Thành Vinh	09/4/1982	SP		Vắng			Cử nhân/ Thạc sĩ	Khá/ Giỏi		Không đủ điều kiện	Trường THCS Liên Phương-CS-Lý	Trường TH và THCS Hồng Châu-CS-Lý
810	CS812	Cao Thị Vĩnh	22/9/1991	SP	**64,2**	64,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Cương Chính-CS-Văn
811	CS813	Phùng Thị Vui	25/3/1991	SP	**92,5**	92,5			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Thị trấn Văn Giang-CS-Hoá	Trường THCS Vĩnh Khúc-CS-Hoá
812	CS814	Trần Thị Vui	12/4/1986	Khác	**59,2**	59,2			Đại học	Khá		Trúng tuyển NV2 vào Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Văn	Trường THCS Thủ Sỹ-CS-Văn	Trường THCS Vĩnh Xá-CS-Văn
813	CS815	Lê Thị Vượng	27/11/1988	SP	**85,8**	85,8			Cử nhân	TB Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Nghĩa Dân-CS-Văn
814	CS816	Phạm Thị Xoa	24/8/1984	Khác	**67,5**	62,5	5	Con thương binh	Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Thuần Hưng-CS-Văn
815	CS817	Lều Thị Thanh Xuân	27/7/1994	SP	**90**	90			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Liên Phương-CS-GDCD	Trường THCS Liên Phương-CS-GDCD	Trường THCS Trung Nghĩa-CS-GDCD
816	CS818	Đặng Thị Như Yến	20/12/1988	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS Tân Châu-CS-Toán	Trường TH và THCS Đông Ninh-CS-Toán
817	CS819	Đinh Thị Yến	03/3/1989	SP	**79,2**	79,2			Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Nguyên Hoà-CS-Toán	Trường THCS Lệ Xá-CS-Toán
818	CS820	Đỗ Thị Yến	18/5/1987	Khác	**71,7**	71,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Ông Đình-CS-Văn	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn

TT	SBD	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Xét tuyển					Trình độ văn bằng, chứng chỉ	Xếp loại bằng bằng chuyên môn	Trung bình cộng tích lũy để xếp hạng tốt nghiệp (đối với người có điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối) để xét	Kết quả xét tuyển	Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2
				Sư phạm	Tổng điểm	Điểm thi	Điểm ưu tiên	Diễn giải						
1	2	3	4		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
819	CS821	Dương Hải Yến	17/5/1982	SP		Vắng			Đại học	TB Khá		Không đủ điều kiện	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-CS-Văn	Trường THCS Tân Quang-CS-Văn
820	CS822	Lê Bảo Yến	03/03/2002	SP	**65,8**	65,8			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Đại Tập-CS-Toán	Trường THCS An Vĩ-CS-Toán
821	CS823	Lê Thị Yến	27/3/1994	SP	**53,3**	53,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Đại Đồng-CS-Hoá	Trường THCS Minh Hải-CS-Hoá
822	CS824	Lù Thị Yến	26/7/1997	SP	**59,2**	54,2	5	Dân tộc thiểu số (Nùng)	Cử nhân	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Quảng Châu-CS-Địa	Trường TH và THCS Hoàng Hanh-CS-Địa
823	CS825	Nguyễn Hải Yến	10/05/2002	SP	**56,7**	56,7			Cử nhân	Giỏi		Trúng tuyển NV1 vào Trường THCS Nhân Hoà-CS-Ngoại ngữ	Trường THCS Nhân Hoà-CS-Ngoại ngữ	Trường TH và THCS Bản Yên Nhân-CS-Ngoại ngữ
824	CS826	Nguyễn Thị Hải Yến	12/10/1996	SP	**87,5**	87,5			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường THCS Ngọc Thanh-CS-Toán	Trường THCS Thị trấn Lương Bằng-CS-Toán
825	CS827	Nguyễn Thị Yến	01/02/1988	SP		Vắng			Đại học	Khá		Không đủ điều kiện	Trường THCS An Tào-CS-Sử	Trường THCS Liên Phương-CS-Sử
826	CS828	Nguyễn Thị Yến	02/07/1989	SP	**50,8**	50,8			Cử nhân	Khá		Trúng tuyển NV1 vào Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Lý	Trường TH và THCS Thanh Long-CS-Lý	Trường TH và THCS Trung Hưng-CS-Lý
827	CS829	Nguyễn Thị Yến	25/6/2002	SP	**83,3**	83,3			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường THCS Yên Phú-CS-Văn	Trường THCS Liêu Xá-CS-Văn
828	CS830	Phạm Thị Hải Yến	05/12/1987	SP	**50,8**	50,8			Đại học	Khá		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Yên Hoà-CS-Toán	Trường THCS Yên Phú-CS-Toán
829	CS831	Ngô Thị Tươi	17/05/1991	SP	**66,7**	66,7			Đại học	Giỏi		Không trúng tuyển	Trường TH và THCS Hoàng Hoa Thám-CS-Văn	Trường TH và THCS Văn Nhuệ-CS-Văn